

Số: /QĐ-VP

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 318/QĐ-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành; 27 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 27/02/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCC.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Thế Anh

¹ Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày tháng năm 2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
Lĩnh vực Thú y					
1	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) (1.014777.H56)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Phí kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.	- Luật Thú y; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ

				- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
2	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (1.014778.H56)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Phí kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
3	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.014779.H56)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Phí kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000 đồng/lần	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

- Sửa đổi 20 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

- Sửa đổi 06 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính/Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

- Sửa đổi 01 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 184/QĐ-VP ngày 19/01/2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC trên Cổng DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
<i>Lĩnh vực Chăn nuôi</i>							
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (1.011031.H56)	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Chăn nuôi năm 2018 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; - Căn cứ pháp lý.	

		- <i>Thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</i> - <i>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế đối với trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).		một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - <i>Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.</i>		
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (1.011032.H56)	- <i>Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:</i> + <i>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</i> + <i>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc.</i> - <i>Thẩm định nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận: Trong</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - <i>Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn</i> - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Không	- Luật Chăn nuôi năm 2018 - <i>Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</i> - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21	- Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;	

		<i>thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</i>	<i>không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</i>		tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; - Căn cứ pháp lý.	
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008128.000.00.00.H56)	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	- Phí thẩm định đề cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 1.150.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026) - Phí thẩm định đánh giá giám	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu,	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Phí - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	

		<i>ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</i>		sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 750.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026)	<i>miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</i>		
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008129.000.00.00.H56)	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	- Phí thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 125.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Luật số 146/2025 /QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Phí - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện;	

		trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	ngày 31/12/2026) - Phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 750.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026)	- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	- Căn cứ pháp lý	
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trục tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải	- Luật Chăn nuôi năm 2018 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/ 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.	- Tên thủ tục hành chính; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết;	

	chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu (1.008126.000.0 0.00.H56)	+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ	(Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 2.850.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026) 6) - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 800.000	- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	
--	--	---	--	--	--	--	--

		ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đạt yêu cầu. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:		đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026). - Phí thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 750.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026)			
--	--	--	--	---	--	--	--

		+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đạt yêu cầu.					
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (1.008127.000.0 0.00.H56)	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trục tuyến qua Công Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	- Phí thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 125.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026). - Phí thẩm định đánh	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Luật số 146/ 2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị	- Tên thủ tục hành chính; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Phí; - Căn cứ pháp lý.	

		<i>nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</i>		giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (áp dụng mức phí 750.000 đồng/01 cơ sở/lần đến hết ngày 31/12/2026)	<i>định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.</i> - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.		
7	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (1.008122.H56)	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	<i>Phí thẩm định: 350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần (áp dụng mức phí 175.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần đến hết ngày</i>	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Luật số 146/2025 /QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	

		chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	31/12/2026)	- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.		
8	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (1.008124.H56)	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Không	- Luật Chăn nuôi năm 2018 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Tên thủ tục hành chính; Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC; Căn cứ pháp lý.	TTHC này sẽ thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa Quốc gia trước ngày 31/12/2026 thì sẽ thực hiện giải quyết TTHC này kể từ ngày kết nối

9	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (1.008125.H56)	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Không	- Luật Chăn nuôi năm 2018 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Tên thủ tục hành chính; - Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.	<i>TTHC này sẽ thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa Quốc gia trước ngày 31/12/2026 thì sẽ thực hiện giải quyết TTHC này kể từ ngày kết nối</i>
10	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước. (3.000127.H56)	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Chăn nuôi năm 2018. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.	<i>TTHC này sẽ thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa</i>

							<i>Quốc gia trước ngày 31/12/2026 thì sẽ thực hiện giải quyết TTHC này kể từ ngày kết nối</i>
11	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu (3.000128.H56)	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Chăn nuôi năm 2018 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.	<i>TTHC này sẽ thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa Quốc gia trước ngày 31/12/2026 thì sẽ thực hiện giải quyết TTHC này kể từ ngày kết nối</i>
12	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết;	<i>TTHC này sẽ thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp</i>

	(3.000129.H56)	<i>phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>			<i>của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.</i>	- Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý.	<i>UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa Quốc gia trước ngày 31/12/2026 thì sẽ thực hiện giải quyết TTHC này kể từ ngày kết nối</i>
13	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung (3.000130.H56)	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thay đổi thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.	<i>TTHC này sẽ thực hiện từ ngày 01/01/2027. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin Một cửa Quốc gia trước ngày 31/12/2026 thì sẽ thực hiện giải</i>

							<i>quyết TTHC này kể từ ngày kết nối</i>
<i>Lĩnh vực Thú y</i>							
14	<i>Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (1.004756.000.0 0.00.H56)</i>	<i>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	<i>Lệ phí:</i> + 50.000 đồng/ lần (áp dụng kể từ ngày 01/01/2027 trở đi) + 25.000 đồng/ lần (áp dụng kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026)	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí	- Tên thủ tục; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Lệ phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	
15	<i>Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (2.001064.000.0 0.00.H56)</i>	<i>03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	<i>Lệ phí:</i> + 50.000 đồng/ lần (áp dụng kể từ ngày 01/01/2027 trở đi) + 25.000 đồng/ lần		- Tên thủ tục; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết;	

			(Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	(áp dụng kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026)	nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.	- Đối tượng thực hiện; - Kết quả; - Phí, lệ phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	
16	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (1.005319.000.00.00.H56)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Lệ phí: + 50.000 đồng/ lần (áp dụng kể từ ngày 01/01/2027 trở đi) + 25.000 đồng/ lần (áp dụng kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026)	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	- Tên thủ tục; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Đối tượng thực hiện; - Kết quả; - Phí, lệ phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	

					- Thông tư 64/2025 /TT-BTC ngày 30/6/ 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.		
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (1.002549.H56)	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>).	Phí kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	

				lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	- <i>Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.</i> - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.		
18	<i>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký</i>	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện	Không	- Luật Thú y năm 2015 - <i>Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</i> - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện	- Tên Thủ tục; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	

	(1.002432.H56)		<i>tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</i>		đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.		
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin) (1.013809.H56)	<i>Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>).	Phí kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2	- Luật Thú y năm 2015 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	

				đây chuyên (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 đây chuyên (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 đây chuyên (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	- Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; - Nghị định số 80/2022/NĐ- CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 32/2026/NĐ- CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 101/2020/TT- BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.		
20	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma	<i>Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại	<i>Phí kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y,</i>	- Luật Thú y năm 2015 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ;	

	tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin) (1.013813.H56)		lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	<i>thuốc thú y thủy sản:</i> - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt	<i>của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</i> - Nghị định số 35/ 2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Thời hạn giải quyết; - Kết quả; - Phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	
--	---	--	--	---	--	--	--

				<i>động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.</i>	- Thông tư số 101 /2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.		
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin) (1.013811.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>).	Không	- Luật Thú y năm 2015 - <i>Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.</i> - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	

					Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.		
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (1.002409.H56)	Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả)	Phí kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	- Luật Thú y năm 2015 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện; - Căn cứ pháp lý	

			<i>không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</i>		- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.		
23	<i>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký</i> (1.002373.000.0 0.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (thực hiện	Không	- Luật Thú y năm 2015 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện	- Tên Thủ tục hành chính; - Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Đối tượng thực hiện TTHC; - Kết quả thực hiện TTHC;	

			<i>tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</i>		đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.001686.000.00.00.H56)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>).	Phí kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000 đồng/lần	- Luật Thú y năm 2015 - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện; - Căn cứ pháp lý	

					vực nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/9/2018. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/10/2022. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.		
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.004839.000.0 0.00.H56)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y,	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;	

			(Toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã <i>(thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính)</i>.		có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/9/2018. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/10/2022. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý	
26	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: Trong thời hạn 05 ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa (Phố Tân Thọ, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa).	Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn:	- Luật Thú y năm 2015; - Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026;	- Phí; - Căn cứ pháp lý	

	(1.002338.000.00 .00.H56)	làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch. - Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch. - Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch. - Đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	1. Kiểm tra lâm sàng động vật: 1.1. Trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, đà điểu: 50.000 đồng/Xe ô tô/Xe chuyên dụng; 1.2. Lợn: 60.000 đồng/ Xe ô tô/Xe chuyên dụng; 1.3. Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng/Xe ô tô/Xe chuyên dụng;	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 01/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn. - <i>Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</i>		
--	------------------------------	---	--	---	---	--	--

		BNNMT ngày 01/01/2026 xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.		1.4. Gia cầm: - 17.500 đồng/Xe ô tô/Xe chuyên dụng (thời gian áp dụng kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026); - 35.000 đồng/Xe ô tô/Xe chuyên dụng (thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2027 trở đi). 1.5. Chó, mèo, khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn, trăn, cá sấu, kỳ đà, rắn, tắc kè, thằn lằn, rùa, kỳ nhông,			
--	--	--	--	--	--	--	--

				thỏ, chuột nuôi thí nghiệm, ong nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương: 100.000 đồng/Xe ô tô/Xe chuyên dụng. 2. Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật trường hợp phải kiểm tra thực trạng hàng hóa (chưa bao gồm chi phí xét nghiệm):			
--	--	--	--	--	--	--	--

				2.1. Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000 đồng /Lô hàng; 2.2. Kiểm dịch thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đóng hộp; Lạp xưởng, patê, xúc xích, giăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ			
--	--	--	--	---	--	--	--

				ché, ché biến; Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa; Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng; Trứng gia cầm giống, trứng tằm; phôi, tinh dịch động vật; Bột thịt, bột xương, bột huyết, bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc,			
--	--	--	--	--	--	--	--

				gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật; Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vây tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật; Da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối; Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật: Hổ, báo, cầy, thỏ, rái cá và từ			
--	--	--	--	---	--	--	--

				các loài động vật khác; Lông mao: Lông đuôi ngựa, lông đuôi bò, lông lợn, lông cừu và lông của các loài động vật khác; Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác; Răng, sừng, móng, ngà, xương của động vật; Tổ yến, sản phẩm từ yến; Mật ong, sữa ong chúa, sáp			
--	--	--	--	--	--	--	--

				ong; Kén tầm: 100.000 đồng/Lô hàng.			
27	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh (2.000873.000.00.00.H56)	- Tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tiến hành xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch; Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do. - Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: + Đối với trường hợp kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa (Phố Tân Thọ, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa). - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản: - Kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000 đồng (đơn vị tính: Xe ô tô/Xe chuyên dụng); - Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (chưa bao gồm chi phí xét	- Luật Thú y 2015; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2026; - Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	- Trình tự thực hiện; - Cách thức thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Đối tượng thực hiện; - Cơ quan thực hiện; - Kết quả; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; - Căn cứ pháp lý.	

		giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu; + Đối với các trường hợp khác: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra		nghiệm): Đối với bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản: 100.000 đồng (đơn vị tính: Lô hàng).			
--	--	---	--	---	--	--	--

		khỏi địa bàn cấp tỉnh trong trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và bảo đảm các yêu cầu về sinh thú y gồm: động vật thủy sản khỏe mạnh; kết quả xét nghiệm âm tính với tác nhân gây bệnh; phương tiện vận chuyển và việc tiêu độc khử trùng đạt yêu cầu. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, Cơ quan kiểm dịch trả lời chủ hàng bằng văn bản hoặc phản hồi qua Cổng dịch vụ công hoặc thư điện tử và nêu rõ lý do.					
--	--	--	--	--	--	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

- Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
<i>Lĩnh vực Thú y</i>			
1	1.004734.H56	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.